TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ K** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2022/HS-ST
Ngày 30 - 12 – 2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ K, TỈNH AN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trương Thị Bích Tuyền;

- Bà Võ Thị Thanh Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K tham gia phiên tòa: Ông Lương Văn Khang - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 101/2022/TLST-HS ngày 09 tháng 12 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2022/HSST- Qđến ngày 14 tháng 12 năm 2021 đối với bị cáo:

Lê Văn Đ, sinh năm 2001; giới tính Nam; nơi sinh: K, tỉnh An Giang; nơi cư trú: tổ 13, khóm Vĩnh Phước 1, phường S, thành phố K, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông (không rõ học và tên) và bà Lê Thị Ngọc T, sinh năm 1964; vợ thứ nhất Hồ Thị Mỹ D, sinh năm 2001 (đã ly hôn); vợ thứ hai tên Võ Nguyễn Hoàng Thúy Vy, sinh năm 2000, có 01 con, sinh năm 2019.

Tiền án: Ngày 30/12/2020, Tòa án nhân dân thành phố K, kết án 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "*Cưỡng đoạt tài sản*", đến ngày 01/9/2021, được đặc xã, chưa được xóa án tích;

Tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05/9/2022 cho Đ nay, có mặt.

Bị hại:

- Ông Phan Huỳnh Khắc V, sinh năm 1987, nơi cư trú: Đường số 10, khu dân cư Bắc Hà Hoàng Hổ, phường Mỹ Hòa, thành phố LX, tỉnh An Giang; Vắng mặt.

- Bà Đặng Thị Mỹ N, sinh năm 1992, nơi cứ trú: Đường số 10, khu dân cư Bắc Hà Hoàng Hổ, phường Mỹ Hòa, thành phố LX, tỉnh An Giang; Vắng mặt.

Người tham gia tố tụng khác:

- Bà Lê Thị Lụa, sinh năm 1996, nơi cư trú: Tổ 09, khóm V, phường S, thành phố K, tỉnh An Giang; Vắng mặt.

- Bà Đinh Thị Mộng Kiều, sinh năm 1986, nơi cư trú: Tổ 05, khóm V3, phường S, thành phố K, tỉnh An Giang; Vắng mặt.

- Ông Trương Vũ Bằng, sinh năm 1975, nơi cư trú: Tổ 03, khóm V2 , phường S, thành phố K; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 27/3/2022, vợ chồng Phan Huỳnh Khắc V và Đặng Thị Mỹ N, cùng cư trú khóm My Hòa, phường Mỹ Long, thành phố LX, tỉnh An Giang, chiêm bái tín ngưỡng, cúng viếng Miếu Bà Chúa Xứ S. Lê Văn Đ (bán nhang, đèn) tiếp cận, giới thiệu V và N Đ mua vật phẩm tại cửa hàng của Đinh Thị Mộng Kiều (Chỗ quen biết với Đ). Sau đó, Đ cùng người thanh niên (không rõ lai lịch) giúp mang vật phẩm, hướng dẫn V và N cúng bái tượng phật Quan âm Thị Kính, tại Chùa Tây An. Đ lén để thêm 01 bộ áo Bà bằng giấy, 03 (ba) cây nhang, cặp đèn sáp ly thủy tinh vào vật phẩm, tự ý bày vật phẩm lên bàn, đốt nhang lớn, đèn để V và N cũng bái. Xong, Đ gây áp lực buộc V và N trả 540.000 đồng tiền áo giấy Bà, do Đ tự ý để thêm. Hoảng sợ, V trả Đ 550.000 đồng, không dám nhận lại 10.000 đồng tiền thừa. Đ tiếp tục gây áp lực buộc V và N trả thêm 870.000 đồng tiền cặp đèn sáp ly thủy tinh; V và N không đồng ý, điện thoại báo Cơ quan Công an, mời làm việc, Đ thừa nhận hành vi phạm tội, giao nộp 550.000 đồng đã chiếm đoạt.

Vật chứng thu giữ: 01 cây nhàng màu đỏ, dài 45 cm, đường kính 1,5 cm, có khắc chữ và hoa tiết hình rồng màu vàng; 02 cây nhang cùng đặc điểm màu đỏ, dài 31 cm, đường kình 1,5 cm, có khắc chữ và hoa tiết hình rồng màu vàng; 01 túi nhựa trong suốt chứa 20 cây nhang cùng đặc điểm màu vàng, đường kính 0,2 cm, dài 46 cm; 01 túi nhựa trong suốt chứa 02 cây đèn sáp cùng đặc điểm màu đỏ, in chữ vàng; 01 giấy kích thước (46 x 29) cm, có in hành Bà Chúa Xứ và 07 tờ giấy nhỏ (do Đặng Thị Mỹ N giao nộp); 02 ly đèn sáp chứa đầy sáp đỏ có tim đèn; tiền việt Nam 550.000 đồng; 01 đĩa DVD chứa đoạn video ghi nhận hình ảnh liên quan Đ vụ án;

Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố K khởi tố vụ án, khởi tố bị can, đến ngày 05/9/2022 tạm giam Lê Văn Đ để điều tra, xử lý.

Tại Cáo trạng số 110/CT-VKSCĐ-HS ngày 09/12/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố bị cáo Lê Văn Đ về tội "*Cưỡng đoạt tài sản*" theo

quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Bộ luật Hình sự năm 2015).

Tại phiên tòa,

Bị cáo Đ thành khẩn khai báo, thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

Hội đồng xét xử công bố lời khai của bị hại Phạm Huỳnh Khắc V và Đinh Thị Mỹ N vắng mặt tại phiên tòa.

Kiểm sát viên trình bày lời luận tội: Lời nhận tội của bị cáo Lê Văn Đ tại phiên tòa phù hợp với diễn biến sự việc, phù hợp lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm Đ quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật hình sự bảo V, đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cưỡng đoạt tài sản" được quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Bị cáo Đ đã bị kết án về tội cưỡng đoạt tài sản, chưa được xóa án tích, nay tiếp tục phạm tội cưỡng đoạt tài sản. Nên thuộc trường hợp tái phạm theo quy định điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS;

Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại, thành khẩn khai báo trong quá trình điều tra bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; thuộc thành phần lao động, hiểu biết pháp luật có phần hạn chế.

Về hình phạt chính: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 2; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Lê Văn Đ từ 02 (hai) năm Đ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù;

Về hình phạt bổ sung, do bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập không ổn định nên đề nghị không áp dụng;

Về trách nhiệm dân sự, bị hại đã nhận lại số tiền bị chiếm đoạt 550.000 đồng, không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm nên không đề cập giải quyết;

Đối với người thanh niên (không rõ lai lịch) cùng mang vật phẩm với bị cáo, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ, xử lý sau;

Bị cáo thống nhất với các ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, không có ý kiến tranh luận. Trong lời nói sau cùng, bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt để sớm được trở về với gia đình, tái hòa nhập cộng đồng và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng,

[1] Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trên địa bàn thành phố K tội phạm thực hiện thuộc trường hợp có khung hình phạt dưới 15 năm tù được quy định quy định của Bộ luật hình sự năm 2015, nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang.

[2] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an nhân dân thành phố K; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố K; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của pháp luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[3] Tòa án đã tống đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng bị hại; những người tham gia tố tụng khác vắng mặt. Xét những người vắng mặt đã có lời khai trong quá trình điều tra, không gây trở ngại cho việc xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này theo quy định tại Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Về nội dung, tính chất mức độ, hành vi phạm tội:

[4] Xét về hành vi bị truy tố của bị cáo, lời khai nhận tội của bị cáo Lê Văn Đ tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, những người làm chứng, người chứng kiến, phù hợp với kết quả điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra như biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm ngày 27/3/2022 do Công an phường S, thành phố K lập và đĩa DVD ghi nhận quá trình thực hiện hành vi phạm tội, nên có đủ cơ sở xác định: Vào khoảng 18 giờ 00 phút ngày 27/3/2022, bị cáo Lê Văn Đ đã có hành vi tự ý lén để thêm một số vật phẩm như: 01 bộ áo Bà bằng giấy; 03 cây nhang; 01 cặp đèn sáp ly thủy tinh vào vật phẩm và hướng dẫn anh V và chị N cúng bái tại chùa Tây An. Sau khi cúng bái xong, anh V và chị N ra về, thì bị cáo chặn đường, gây áp lực, dùng lời nói và có hành vi đe dọa buộc anh V phải trả 540.000 đồng là tiền các vật phẩm bị cáo Đ đã tự ý lén bày thêm vào vật phẩm, mà không được sự đồng ý của anh V và chị N. Trước thái độ hung hăng của bị cáo, vì lo sợ bị cáo đánh nên anh V đồng ý tiền trả 550.000 đồng theo yêu cầu của bị cáo, chưa dừng lại đó, bị cáo Đ tiếp tục đe dọa và yêu cầu anh V đưa thêm số tiền 870.000đồng (do anh V báo Công an, nên bị cáo chưa nhận); Bị cáo Lê Văn Đ là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi dùng lời nói đe dọa để cưỡng đoạt tài sản của bị hại với lỗi cố ý trực tiếp vì động cơ vụ lợi, xâm phạm Đ quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo

V. Vì vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Cưỡng đoạt tài sản quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo nhận thức được rằng tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của công dân được Nhà nước bảo hộ, mọi hành vi xâm phạm một cách trái pháp luật đều phải bị xử lý nhưng vì xuất phát từ bản tính tham lam, muốn có tiền tiêu xài mà không phải bỏ công sức nên bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối để buộc bị hại phải trả tiền mua các vật phẩm mà bị cáo lén để vào với giá cao hơn thực tế nhiều lần, khi bị hại không đồng ý trả tiền, thì bị cáo có lời nói đe dọa, tỏ thái độ hung hăng nhằm uy hiếp tinh thần để bị hại sợ phải trả tiền cho bị cáo. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự xem thường pháp luật, gây mất trật tự xã hội và bất bình trong nhân dân, để lại ấn tượng, hình ảnh không tốt đối với hành khách tham quan du lịch tại địa phương. Do đó, cần xử lý nghiêm theo quy định pháp luật.

[5] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thấy rằng:

Về nhân thân, bị cáo có tiền án về tội ”Cưỡng đoạt tài sản” chưa được xóa án tích, nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm;

Bị cáo không tiền sự; xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng như: phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại, có thái độ thành khẩn khai báo, bị cáo thuộc thành phần lao động, hiểu biết pháp luật có phần hạn chế, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Căn cứ vào nhân thân, tính chất mức độ và hậu quả do hành vi bị cáo gây ra, xét thấy việc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là cần thiết nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân lương thiện, có ích cho xã hội, đồng thời bảo đảm tác dụng phòng ngừa chung trong xã hội.

[6] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và hình phạt đề nghị áp dụng đối với bị cáo phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập không ổn định, không có tài sản nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: anh V đã nhận lại số tiền 550.000 đồng do bị cáo chiếm đoạt, không yêu cầu bồi thường thêm nên không đề cập giải quyết.

[9] Các vấn đề khác:

Đối với người thanh niên (không rõ lai lịch) cùng mang vật phẩm với bị cáo Đ, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ, xử lý sau là phù hợp.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo:

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1Điều 52 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Lê Văn Đ phạm tội "*Cưỡng đoạt tài sản*".

Xử phạt: Lê Văn Đ 02 (hai) năm tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính kể từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 05/9/2022 *(ngày năm, tháng chín, năm hai nghìn không trăm hai mươi hai)*.

2.Về xử lý vật chứng: *Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự,* Tịch thu tiêu hủy :

- 01 (một) cây nhang màu đỏ, dài 45 cm, đường kính thân nhang 1,5 cm, có khắc chữ và họa tiết hình rồng màu vàng (đã qua sử dụng) ;

- 02 (hai) cây nhang cùng đặc điểm: màu đỏ, dài 31 cm, đường kính thân nhang 1,5 cm, có khắc chữ và họa tiết hình rồng màu vàng (đã qua sử dụng) ;

- 01 (một) bọc nilon trong suốt chứa 20 cây nhang cùng đặc điểm màu vàng, dài 46 cm, đường kình 0,2 cm (chưa sử dụng);

- 01 (một) bọ nilon trong suốt chứa 02 cây đèn sáp cùng đặc điểm màu đỏ có in chữ màu vàng, dài 14,5 cm, đường kình 1,5 cm (chưa sử dụng); 01 tờ giấy kích thước (46 x 29) cm, có in hình Bà Chúa Xứ và 07 giấy nhỏ (loại tiền vàng mã) ;

- 02 (hai) ly đèn sáp bằng thủy tinh cùng đặc điểm cao21 cm, đường kính miệng ly 6,5 cm, bên trong chứa đầy sáp màu đỏ có tim đèn (đã qua sử dụng).

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày /12/2022 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố K với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K).

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Lê Văn Đ phải chịu 200.000 *(hai trăm nghìn)* đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo Lê Văn Đ có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của bị hại Phan Huỳnh Khắc V và Đặng Thị Mỹ N là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện KSND thành phố (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Thi hành án DS thành phố (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Trần Văn Đức